TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HS-ST
Ngày: 15-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Trần Hoài T; sinh năm: 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: /(không có nơi ở nhất định); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc Huỳnh L và bà: Huỳnh Thị Kim N; tiền án: không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/01/2018 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội "Che giấu tội phạm" (khi thực hiện hành vi tội phạm là người dưới 18 tuổi) theo Bản án số 04/2018/HSST; bị bắt tạm giam ngày: 14/7/2019.

2/Nguyễn Tiến D; sinh năm: 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không; nơi ở: /(không có nơi ở nhất định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: /(không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: /(vô danh) và bà: Nguyễn Thị

Phương D (chết); tiền án: 02 (ngày 25/9/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 01 tháng 08 ngày tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án số 119/HSST; ngày 20/8/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 102/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Không tốt; bị bắt tạm giam ngày: 14/7/2019.

(Các bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

Bà Đào Thị Ngọc H – Sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: 369/36 đường Lý Thái Tổ, Phường 9, Quận 10, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Ông Trương Hoàng H – Sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: 231/38 đường Nguyễn Duy Dương, Phường 4, Quận 10, TP.HCM.

2/Bà Lê Thị Khuyến – Sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: 425 đường Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 18 ngày 08/7/2019, Nguyễn Tiến D điều khiển xe môtô hiệu Attila (không rõ biển số) chở Trần Hoài T. Khi đến trước nhà số 369/36 đường Lý Thái Tổ, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì T nhìn thấy chiếc xe môtô biển số 59U1-436.38 của bà Đào Thị Ngọc H đang dựng trước nhà (không người trông coi, trên xe cắm sẵn chìa khóa). T rủ D trộm cắp chiếc xe trên, D đồng ý. D dừng xe đứng ngoài cảnh giới, T đi bộ đến leo lên chiếc xe môtô của bà H rồi nổ máy chạy thoát; ngay lúc đó, bà H phát hiện, truy hô nhưng không kịp; sau đó, bà H đến Công an Phường 9, Quận 10 trình báo sự việc. Công an Phường 9, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 01 xe môtô hiệu Honda Lead (biển số 59U1 - 436.38), qua xác minh xe môtô đứng tên chủ sở hữu là anh Huỳnh Huy H1 (con trai của bà H), anh H1 cho biết, chiếc xe trên anh và bà H thay phiên nhau sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã thu hồi và trả chiếc xe trên cho bà H, có sự chứng kiến của anh H1. Nhận lại tài sản, bà H và anh H1 không có yêu cầu gì khác. Tại Kết luận định giá tài sản số 658/KL-ĐGTS ngày

15/8/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: 01 xe môtô hiệu Honda Lead biển số 59U1 - 436.38 có trị giá là 15.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra đối với Trần Hoài T, Nguyễn Tiến D về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Quá trình điều tra: Nguyễn Tiến D và Trần Hoài T đã khai nhận hành vi như trên; sau khi chiếm đoạt được xe, T gửi tại bãi giữ xe chung cư Ngô Gia Tự, Phường 3, Quận 10 rồi về tiệm game bắn cá số 282A/39 Nguyễn Tri Phương, Phường 4, Quận 10 đưa thẻ gửi xe cho D. Tại đây, D gặp Trương Hoàng H2, D nói với H2 là D mới mua được 01 chiếc xe môtô nhưng không mang giấy tờ theo nên nhờ H2 đi cầm giùm, H2 đồng ý. Sau đó, D chở Hải đi lấy xe để đưa đi cầm, H2 điều khiển chiếc xe môtô trên đến tiệm cầm đồ Kim Thoa gặp chị Lê Thị K (là chủ tiệm cầm đồ), Hải muốn cầm chiếc xe trên, giấy tờ xe đang để ở nhà nên sẽ bổ sung sau. Chị K đồng ý cầm chiếc xe trên với giá 2.500.000 đồng. Sau khi cầm được chiếc xe, Hải đi về tiệm bắn cá số 282A/39 Nguyễn Tri Phương đưa tiền 2.500.000 đồng cho D, D chia cho T 1.000.000 đồng và tự nguyện cho H2 450.000 đồng, còn lại 1.050.000 đồng D tiêu xài.

Ngoài ra, cơ quan còn tạm giữ: 01 áo sơ mi màu trắng dài tay và 01 đôi dép nhựa màu trắng - đen thu giữ của Trần Hoài T; riêng 01 USB ghi lại hình ảnh T, D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (đã lưu theo hồ sơ vụ án).

Đối với Trương Hoàng H2 và Lê Thị K, do không biết chiếc xe môtô biển số 59U1-436.38 là tài sản do D và T thực hiện hành vi phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xử lý; đồng thời phía bà K cũng không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Trần Hoài T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Nguyễn Tiến D về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại,

nêu lên những tình tiết tăng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm g khoản 2, 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

Trần Hoài T: Từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Nguyễn Tiến D: Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng, bản kết luận định giá trài sản, biên bản nhận dạng, biên bản thực nghiệm điều tra, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Các bị cáo thống nhất ý chí hành động thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 15.000.000 đồng; nên bị cáo T bị truy tố và xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Riêng bị cáo D còn nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 25/9/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 01 tháng 08 ngày tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án số 119/HSST; ngày 20/8/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 102/HSST; bị cáo đã bị kết án thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, hành vi lần này là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); do vậy bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài ra bị cáo T còn có đặc điểm nhân thân, cụ thể: Ngày 04/01/2018 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 05 tháng về tội "Che giấu tội phạm" (đã được xóa án tích do khi thực hiện hành vi tội phạm ít nghiêm trọng là người dưới 18 tuổi). Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần Tết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; đồng thời căn cứ vào khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung đối với bị cáo D một khoản tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo (nhưng chưa thật sự ăn năn hối cải); do vậy Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T (do đã xóa án tích).

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Xét thấy căn cứ vào chứng cứ hiện tại, có cơ sở xác định tài sản mà các bị cáo (Trần Hoài T, Nguyễn Tiến D) chiếm đoạt của phía bà Đào Thị Ngọc H là 01 chiếc xe môtô biển số 59U1-436.38; sau đó phía các bị cáo đã cầm chiếc xe trên cho bà Lê Thị K (chủ tiệm cầm đồ Kim Thoa) với giá 2.500.000 đồng (bị cáo T được chia 1.000.000 đồng, bị cáo D hưởng 1.500.000 đồng và tự nguyện cho Hải 450.000 đồng). Xét thấy giao dịch dân sự giữa các bị cáo, bà Khuyến là vô hiệu (do tài sản trong giao dịch là tài sản chiếm đoạt từ hành vi phạm tội mà có) theo quy định tại 117, 122, 123 Bộ luật Dân sự năm 2015; do vậy căn cứ vào Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015, đôi bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, cụ thể: bà K đã giao trả xe cho phía bị hại (chủ sở hữu), đồng thời bà K không yêu cầu các bị cáo hoàn trả 2.500.000 đồng; nhưng xét thấy số tiền 1.000.000 đồng và 1.500.000 đồng mà các bị cáo T và D tương ứng có được là do phạm tội mà có; vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước các khoản tiền trên, các bị cáo có trách nhiệm tương ứng giao nộp lại.

Riêng đối với: 01 áo sơ mi dài tay, 01 đôi dép nhựa màu trắng – đen; không đáng giá trị; vậy căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Hoài T, Nguyễn Tiến D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Hoài T;

Xử phạt bị cáo Trần Hoài T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; điểm g khoản 2, 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Tiến D;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2019.

Phạt bổ sung bị cáo D 5.000.000 (năm triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước các khoản tiền, như sau:

* 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, bị cáo Nguyễn Tiến D có trách nhiệm giao nộp lại.

* 1.000.000 (một triệu) đồng, bị cáo Trần Hoài T có trách nhiệm giao nộp lại.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay, 01 đôi dép nhựa màu trắng – đen.

(Tình trạng vật chứng và tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/11/2019 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục T hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo D chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người phải T hành án dân sự có quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (8)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật